TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 494/2018/DSST
Ngày 29 - 11 - 2018
V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cơ Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Bích Ngà

2. Ông Văn Cập Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thanh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (số 172 Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh), xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2018 về "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy C, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp xx, xã xx, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; có mặt;

2. Bị đơn: Ông Châu Trần Th, sinh năm 1973; địa chỉ: x Đường 3/2, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Nhật Tr, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp xxx, xã xx, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; (có đơn xin vắng mặt ngày 03/8/2018); vắng mặt;

3.2. Ông Đoàn Văn G, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp xxx, xã xx, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; (có đơn xin vắng mặt ngày 03/8/2018); có mặt;

3.3. Ông Lê Văn M, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp xx, xã xx, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; (có đơn xin vắng mặt ngày 03/8/2018); vắng mặt;

3.4. Ông Lê Văn Ph, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp xx, xã xx, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; (có đơn xin vắng mặt ngày 03/8/2018); vắng mặt;

3.5. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp xx, xã xx, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; (có đơn xin vắng mặt ngày 03/8/2018); vắng mặt;

3.6. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp xx, xã xx, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; (có đơn xin vắng mặt ngày 03/8/2018); có mặt;

3.7. Ông Lê Văn L, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp xx, xã xx, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; (có đơn xin vắng mặt ngày 03/8/2018); vắng mặt;

3.8. Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp xxx, xã xx, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; (có đơn xin vắng mặt ngày 03/8/2018); vắng mặt;

3.9. Ông Trần Thế B, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp x, xã xx, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; (có đơn xin vắng mặt ngày 03/8/2018); có mặt;

3.10. Bà Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp xx, xã xx, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; (có đơn xin vắng mặt ngày 03/8/2018); vắng mặt;

3.11. Ông Lê Văn K, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp xx, xã xx, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; (có đơn xin vắng mặt ngày 03/8/2018); có mặt;

3.12. Ông Lê Văn Ng, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp xx, xã xx, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; (có đơn xin vắng mặt ngày 03/8/2018); vắng mặt;

3.13. Ông Lê Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp xx, xã xx, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tới: Bà Nguyễn Thị P; địa chỉ: Ấp xx, xã xx, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (theo Giấy ủy quyền chứng thực số 572 ngày 11/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã xx, thị xã Cai Lậy); (có đơn xin vắng mặt ngày 03/8/2018); vắng mặt;

3.14. Ông Võ Văn Ch, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp xx, xã xx, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; (có đơn xin vắng mặt ngày 03/8/2018); vắng mặt;

3.15. Ông Lê Văn N, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp x, xã xx, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; (có đơn xin vắng mặt ngày 03/8/2018); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2018, các bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn - ông Nguyễn Duy C trình bày:

Vào tháng 11 năm 2014 ông Châu Trần Th có kinh doanh vựa sầu riêng hiệu "A Bánh" tại địa chỉ Cầu Nhị Mỹ, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Ông Th thuê ông C làm trung gian đại diện thu mua mặt hàng trái cây sầu riêng ở các vườn trồng sâu riêng để bán lại cho ông Th. Tiền công mà ông Th trả cho ông C để thực hiện công việc trên là 2.000.000 đồng/ tấn sầu riêng (thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản).

Thực hiện thỏa thuận trên, ông C đã tự đứng ra ký kết hợp đồng mua bán sầu riêng với các nhà vườn, thanh toán trước một phần tiền hàng cho các nhà vườn rồi thuê xe vận chuyển hàng để ông Th bán cho khách hàng ở Trung Quốc. Do ông Th làm ăn thua lỗ nên đã không trả tiền hàng cho ông C để ông C thanh toán trả cho các chủ nhà vườn đã bán hàng cho ông C.

Ông C đã tố cáo ông Th đến Công an thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang giải

quyết. Tại cơ quan Công an, ông Th thừa nhận sự việc và thỏa thuận trả cho ông C số tiền hàng là 1.750.000.000 đồng và xin không trả tiền công cho ông C. Ông C đồng ý nên cơ quan Công an đã lập Biên bản ghi nhận việc tự thỏa thuận ngày 04/11/2016. Tuy nhiên, tính đến nay ông Th chỉ trả cho ông C được 307.000.000 đồng và không thực hiện đúng thỏa thuận trả tiếp số tiền còn lại.

Ông Nguyễn Duy C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Châu Trần Th thực hiện đúng thỏa thuận trả số nợ còn lại cho ông là 1.443.000.000 đồng; yêu cầu trả lãi chậm trả; yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Duy C thừa nhận có trách nhiệm trả nợ mua hàng sầu riêng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trường hợp ông Châu Trần Th thực hiện trả nợ cho ông thì ông có trách nhiệm trả dứt nợ cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nếu ông không thực hiện đúng thì những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sẽ khởi kiện để giải quyết tranh chấp trong một vụ kiện khác.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Châu Trần Th trả cho nguyên đơn số tiền là 1.443.000.000 đồng; thay đổi yêu cầu về phần tính lãi, không yêu cầu trả lãi chậm trả; yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn – ông Châu Trần Th vắng mặt nên không có lời trình bày.

* Tại các bản tự khai và biên bản hòa giải, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Nguyễn Nhật Tr, Đoàn Văn G, Lê Văn M, Lê Văn Ph, Nguyễn Văn P, Phạm Văn Đ, Lê Văn L, Nguyễn Thanh D, Trần Thế B, Võ Thị Ngọc H, Lê Văn K, Lê Văn Ng, Lê Văn T, Võ Văn Ch và Lê Văn N trình bày:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác nhận có biết ông Nguyễn Duy C chỉ là người được ông Châu Trần Th thuê làm đại diện cho ông Th thu mua sầu riêng cho vựa trái cây của ông Th tại thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Do ông Th làm ăn thua lỗ nên đã không trả tiền cho ông C để trả lại tiền hàng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định không khởi kiện ông Châu Trần Th. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định ông Nguyễn Duy C mới là người có nghĩa vụ phải thanh toán nợ cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì ông C là người trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các ông, bà. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định sẽ khởi kiện ông C trong một vụ án khác nếu sau này ông Th trả nợ cho ông C mà ông C không thực hiện việc trả tiền hàng cho các ông, bà.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt gồm có các ông Đoàn Văn G, ông Phạm Văn Đ, ông Trần Thế B, ông Lê Văn K và ông Lê Văn N trình bày giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại các bản tự khai và tại các biên bản hòa giải. Thống nhất để ông Nguyễn Duy C khởi kiện ông Châu Trần Th; xác định không khởi kiện ông Châu Trần Th; xác định ông Nguyễn Duy C sau khi thu được tiền của ông Châu Trần Th thì phải có nghĩa vụ trả nợ tiền mua mặt hàng sầu

riêng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trường hợp ông C không thực hiện trả nợ sau khi thu hồi được tiền thì những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sẽ khởi kiện ông Nguyễn Duy C bằng một vụ kiện dân sự khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; việc cấp, tống đạt và giao nhận văn bản tố tụng dân sự chưa đúng quy định của pháp luật. Cụ thể là Tòa án đã chậm tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Việc Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử vắng mặt bị đơn sau khi đã tống đạt hợp lệ cho đương sự là đúng thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật nội dung được áp dụng để giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Duy C yêu cầu ông Châu Trần Th trả số tiền 1.443.000.000 đồng theo Biên bản ghi nhận việc tự thỏa thuận ngày 04/11/2016. Đây là giao dịch dân sự chưa được hai bên thực hiện mà có nội dung và hình thức khác với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Duy C yêu cầu ông Châu Trần Th trả số tiền 1.443.000.000 đồng theo Biên bản ghi nhận việc tự thỏa thuận ngày 04/11/2016. Biên bản ghi nhận việc tự thỏa thuận ngày 04/11/2016 là văn bản xác nhận nghĩa vụ tiền phát sinh từ hợp đồng ủy thác thực hiện công việc và thực hiện hợp đồng mua bán tài sản được xác lập bằng lời nói giữa ông Nguyễn Duy C và ông Châu Trần Th. Phía nguyên đơn là ông Nguyễn Duy C đã thực hiện xong phần công việc được ủy thác, chuyển quyền sở hữu tài sản cho phía bị đơn nhưng phía bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn. Các bên đã lập văn bản xác định chấm dứt việc thực hiện hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua bán tài sản; xác định ông Châu Trần Th có nghĩa vụ trả tiền cho ông Nguyễn Duy C; không tranh chấp về việc thực hiện hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua bán tài sản; tuy nhiên, bị đơn

không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn. Căn cứ Điều 280, Điều 281, Điều 286 và Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 11. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn – ông Châu Trần Th đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà x Đường 3/2, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn và phù hợp với kết quả xác minh của Công an Phường 7, Quận 11: "*Đ/S Châu Trần Th, SN 1973, HKTT tại địa chỉ x Đường 3/2, Phường x, Quận 11. Hiện đương sự Thành đang cư trú tại địa phương. Số điện thoại: 0966696639*". Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ nhất cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa 08/11/2018 đương sự vắng mặt. Tòa án tiếp tục tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa hôm nay đương sự vẫn vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Nguyễn Nhật Tr, Đoàn Văn G, Lê Văn M, Lê Văn Ph, Nguyễn Văn P, Phạm Văn Đ, Lê Văn L, Nguyễn Thanh D, Trần Thế B, Võ Thị Ngọc H, Lê Văn K, Lê Văn Ng, Lê Văn T, Võ Văn Ch và Lê Văn N có đơn xin vắng mặt ngày 03/8/2018. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến tục tiến hành phiên tòa.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp bản sao chụp các hợp đồng vận chuyển, bản sao chụp sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn, bản sao chụp Biên bản ghi nhận việc tự thỏa thuận ngày 04/11/2016 và bản sao chụp Giấy cam kết ngày 04/11/2016 do ông Châu Trần Th ký để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Châu Trần Th phải trả số tiền là 1.443.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi chậm trả; trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn Duy C xác nhận căn cứ Biên bản ghi nhận việc tự thỏa thuận ngày 04/11/2016 thì ông Châu Trần Th phải trả cho ông số tiền là 1.750.000.000 đồng, tuy nhiên, ông Th đã trả cho ông số tiền là 307.000.000 đồng, số còn lại là 1.443.000.000 đồng tính đến nay ông Th chưa thực hiện nghĩa vụ trả cho ông.

Các chứng cứ là bản sao chụp các hợp đồng vận chuyển, bản sao chụp sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn do nguyên đơn cung cấp không phải là chứng cứ gốc, không có công chứng, chứng thực nên Hội đồng xét xử không xem xét, sử dụng các tài liệu, văn bản sao chụp do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân Quận 11 đã có Quyết định số 197/2018/QĐ-CCTLCC ngày 06/8/2018 yêu cầu Công an thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cung cấp bản sao các tài liệu chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Công an thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện cung cấp bản sao các chứng cứ cho

Tòa án nhân dân Quận 11. Các chứng cứ là bản sao chụp Biên bản ghi nhận việc tự thỏa thuận ngày 04/11/2016 và bản sao chụp Giấy cam kết ngày 04/11/2016 do nguyên đơn cung cấp có nội dung và hình thức phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cung cấp cho Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cung cấp cho Tòa án gồm: Bản sao Giấy cam kết ngày 04/11/2016 do ông Châu Trần Th lập tại Công an thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; Bản sao Biên bản lấy lời khai do Công an thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang lập ngày 13/9/2016; Bản sao Biên bản ghi nhận việc tự thỏa thuận ngày 04/11/2016 do các đương sự Nguyễn Duy C và Châu Trần Th ký kết tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Lời khai của các đương sự và nội dung thể hiện trong các chứng cứ bằng văn bản thể hiện sự việc giữa ông Nguyễn Duy C và ông Châu Trần Th có xác lập một hợp đồng ủy thác thực hiện công việc có trả thù lao, thực hiện hợp đồng mua bán tài sản và đã thỏa thuận chấm dứt thực hiện hợp đồng; giữa hai bên có lập văn bản thỏa thuận ông Châu Trần Th phải trả cho ông 1.750.000.000 đồng là có thật. Tính đến nay, ông Th mới chỉ trả cho ông C số tiền là 307.000.000 đồng. Số còn lại chưa trả là 1.443.000.000 đồng. Căn cứ Điều 280, Điều 281, Điều 286 và Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Châu Trần Th trả cho nguyên đơn số tiền là 1.443.000.000 đồng; trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có thay đổi yêu cầu, không yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền mà bị đơn chưa trả. Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu tính lãi chậm trả là tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, không xem xét yêu cầu tính lãi chậm trả.

[5] Xét ý kiến của bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả tiền cho nguyên đơn theo Biên bản ghi nhận việc tự thỏa thuận ngày 04/11/2016 và Giấy cam kết ngày 04/11/2016. Như vậy bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét các ý kiến và các yêu cầu của bị đơn.

[6] Xét ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Nguyễn Nhật Tr, Đoàn Văn G, Lê Văn M, Lê Văn Ph, Nguyễn Văn P, Phạm Văn Đ, Lê Văn L, Nguyễn Thanh D, Trần Thế B, Võ Thị Ngọc H, Lê Văn K, Lê Văn Ng, Lê Văn T, Võ Văn Ch và Lê Văn N:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác nhận có biết ông Nguyễn Duy C chỉ là người được ông Châu Trần Th thuê làm đại diện cho ông Th thu mua sầu riêng cho vựa trái cây của ông Th tại thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Do ông Th làm ăn thua lỗ nên đã không giao tiền cho ông C để trả lại tiền hàng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Lời khai này là phù hợp với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định không khởi kiện ông Châu Trần Th. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định ông Nguyễn Duy C mới là người có nghĩa vụ phải thanh toán nợ cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì ông C là người trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các ông, bà. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định sẽ khởi kiện ông C trong một vụ án khác nếu sau này ông Th trả nợ cho ông C mà ông C không thực hiện việc trả tiền hàng cho các ông, bà. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án. Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện khác nếu các bên không thỏa thuận được.

[7] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa::

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[8] Về án phí:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 1.443.000.000 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự là 55.290.000 đồng (năm mươi lăm triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).

Trong quá trình Tòa án nhân dân Quận 11 thụ lý đơn khởi kiện, ông Nguyễn Duy C có đơn xin miễn giảm án phí và có cung cấp bản sao Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã xx, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/01/2018. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 280, Điều 281, Điều 286 và Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 468 và điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Duy C về việc buộc ông Châu Trần Th thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Buộc ông Châu Trần Th có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Duy C số tiền là 1.443.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về phần tính lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả.

3. Về án phí:

Ông Châu Trần Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 55.290.000 đồng (năm mươi lăm triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).

4. Các quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Cơ Dũng